ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

NGÔ THỊ NHẤT ANH

PHÁP LUẬT VỀ HOÀ GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI TỔ CHỨC HOÀ GIẢI THƯƠNG MẠI

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Thị Lê Huyền**

Phản biện 1: .....:.....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 1
1. Tính cấp thiết của đề tài 1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài 1
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 3
6. Những đóng góp mới của luận văn 3
7. Kết cấu của luận văn 3
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI VÀ PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI **4**
1.1. Khái quát về hòa giải thương mại **4**
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hòa giải thương mại 4
1.1.2. Phân loại hòa giải thương mại 5
1.1.3. Vai trò của hòa giải thương mại 5
1.2. Khái quát về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại **6**
1.2.1. Khái niệm tổ chức hoà giải thương mại 6
1.2.2. Ý nghĩa của hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 6
1.3. Khái quát pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại **7**
1.3.1. Khái niệm pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại. 7
1.3.2. Nội dung và cấu trúc pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 7
1.3.3. Sơ lược lịch sử pháp luật Việt Nam về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 7
Tiểu kết Chương 1 8
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM **9**
2.1. Thực trạng pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại **9**
2.1.1. Quy định pháp luật về phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 9
2.1.2. Quy định pháp luật về trình tự, thủ tục hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 9
2.1.3. Quy định pháp luật về chế độ bảo mật trong hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 9
2.1.4. Quy định pháp luật về thực hiện kết quả hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 9
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại **10**

2.2.1. Những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 10
2.2.2. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 10
2.2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại..... 11
Tiểu kết Chương 2 12
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI 13
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 13
3.1.1. Đảm bảo dựa trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động hòa giải thương mại. 13
3.1.2. Đảm bảo tuân thủ các chủ trương, chính sách của Đảng 13
3.1.3. Đảm bảo phù hợp với thực tiễn và các điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay 14
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại 14
3.2.1. Mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp của tổ chức hoà giải thương mại 14
3.2.2. Hoàn thiện các quy định về chủ thể có quyền thành lập tổ chức hoà giải thương mại 15
3.2.3. Hoàn thiện các quy định về thành lập, hoạt động và chấm dứt của tổ chức hoà giải thương mại 15
3.2.4. Hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức hòa giải thương mại 15
3.2.5. Hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải của các tổ chức hòa giải thương mại 16
3.2.6. Hoàn thiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại 17
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hòa giải thương mại..... 17
3.3.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ hoà giải viên thuộc tổ chức hoà giải thương mại 17
3.3.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoà giải thương mại và hoạt động của tổ chức hoà giải thương mại 18
3.3.3. Xây dựng cơ chế phối hợp, kết nối của Toà án với hoạt động hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại 18
3.3.4. Hiện đại hoá hoạt động giải quyết tranh chấp của tổ chức hoà giải thương mại bằng mô hình Trọng tài – Hoà giải và Hoà giải trực tuyến..... 19
3.3.5 Nghiên cứu gia nhập Công ước Singapore về hoà giải thương mại 19
Tiểu kết Chương 3 20
PHẦN KẾT LUẬN 21

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam đang trên đà phát triển kinh tế và hội nhập sâu rộng. Với việc là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với mức cam kết toàn diện, chúng ta đang cùng chung sân chơi với các nước phát triển trên toàn cầu. Vì vậy, cần nỗ lực tạo lập một nền kinh tế năng động và hiện đại, rà soát và bổ sung hệ thống pháp luật để đảm bảo tương thích với sự phát triển và hội nhập ấy. Một trong số đó là việc quan tâm phát triển các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại hiện đại như trọng tài hay hoà giải thương mại. Phương thức giải quyết tranh chấp bằng hoà giải đang trở thành một hiện tượng tại châu Á và thu hút được sự quan tâm của rất nhiều quốc gia, tổ chức và chuyên gia về giải quyết tranh chấp.

Cơ sở pháp lý cho hoạt động hòa giải thương mại được quy định trong một số văn bản quy phạm pháp luật như Luật Thương mại năm 2005, Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Luật Đầu tư năm 2014 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015….Tranh chấp thương mại đặt ra yêu cầu đa dạng hóa phương thức giải quyết ngoài tố tụng để giảm tải gánh nặng cho hệ thống tòa án, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh và ổn định, góp phần phát triển kinh tế, đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Phương thức hòa giải thương mại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nói trên. Thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại cho thấy, các quy định pháp luật vẫn mang tính hình thức, chưa đáp ứng được mong đợi của các bên tranh chấp. Đặc biệt, sau đại dịch Covid – 19, các tranh chấp về thuê mặt bằng, hủy hợp đồng thương mại, cung cấp dịch vụ...ngày càng gia tăng đòi hỏi cần giải quyết nhanh để không bỏ lỡ cơ hội phục hồi khi dịch bệnh qua đi; thủ tục, cách thức giải quyết tranh chấp cần linh động, sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh.

Mặt khác, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về hoà giải thương mại là một bước nội luật hoá cam kết mở cửa dịch vụ hoà giải đã ký kết với WTO về việc cho phép hiện diện thương mại với hoạt động dịch vụ hoà giải, như với dịch vụ trọng tài. Xây dựng khung pháp lý cho hoạt động hoà giải thương mại cũng giúp hệ thống pháp luật Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế, cụ thể như Luật mẫu về hoà giải thương mại quốc tế của Uỷ ban pháp luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (2002, sửa đổi bổ sung năm 2018) và pháp luật một số quốc gia khác trên thế giới. Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật về hoà giải thương mại tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là phù hợp với nhu cầu phát triển, chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở nước ta và xu hướng hội nhập quốc tế. Với những lý do này, tôi lựa chọn đề tài: ***"Pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại"*** làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Một số công trình nghiên cứu về vấn đề hoà giải tranh chấp thương mại ở Việt Nam như:

Luận văn *"Pháp luật hoà giải tranh chấp kinh doanh thương mại ở Việt Nam"*(2014), của tác giả Phạm Lê Mai Ly - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Luận văn *"Xây dựng chế định pháp luật về hòa giải thương mại ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN"* của tác giả Nguyễn Thế Anh - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2016).

Luận văn *"Thực trạng pháp luật về phương thức hòa giải các tranh chấp thương mại ở Việt Nam"*(2018) của tác giả Nguyễn Quỳnh Hoa - Đại học Luật Hà Nội.

Luận văn *"Hoà giải trong giải quyết tranh chấp thương mại ở Việt Nam"*(2019) của tác giả Lê Thị Linh Trang - Đại học Luật Hà Nội.

Ngoài ra, còn có nhiều công trình ở các cấp độ nghiên cứu khác nhau được đăng tải trên các báo, tạp chí chuyên ngành như bài: *"Pháp luật về hòa giải thương mại và một số khuyến nghị hoàn thiện"* của tác giả Nguyễn Bá Bình, Nguyễn Thị Anh Thơ đăng trên Tạp chí nghiên cứu lập pháp tháng 3/2015; *"Quản lý hoạt động hòa giải thương mại – Kinh nghiệm một số nước và việc áp dụng đối với thực tiễn ở Việt Nam"* của tác giả Lê Văn Tuấn tại Hội thảo Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn xây dựng Nghị định về hòa giải thương mại, TP. Hồ Chí Minh, 2014; *"Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn xây dựng Nghị định về hòa giải thương mại"*của tác giả Trần Hữu Huỳnh tại Hội thảo TP. Hồ Chí Minh, 2014.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là làm rõ một số vấn đề lý luận về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại; nghiên cứu, đánh giá thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật về tổ chức hoà giải thương mại của Việt Nam; đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Hệ thống, nghiên cứu một số vấn đề lý luận về hoà giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại. Từ đó nêu được khái niệm, phân tích đặc điểm pháp lý, xác định các yếu tố chi phối pháp luật, xác định hình thức và nội dung pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại;

Tổng hợp, phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại qua nghiên cứu thực trạng và thực tiễn áp dụng pháp luật.

Đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam, các kiến nghị bám sát chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đáp ứng quy luật vận động của nền kinh tế thị trường và đòi hỏi của thực tiễn tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu nội dung lý luận và thực tiễn pháp luật về hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam (Nghị định số

22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về Hòa giải thương mại); kết hợp đánh giá sự tác động của điều kiện hội nhập kinh tế, quốc tế hiện nay và so sánh với quy định của Luật mẫu Liên hợp quốc về hoà giải thương mại quốc tế cùng một số quốc gia điển hình trên thế giới nhằm rút ra bài học kinh nghiệm để hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Luận văn chỉ nghiên cứu pháp luật về hoà giải trong lĩnh vực thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại. Chủ yếu nghiên cứu vấn đề trong phạm vi Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về Hòa giải thương mại. Bên cạnh đó, để đối sánh và tham khảo, luận văn nghiên cứu một số quy định trong pháp luật của một số quốc gia trên thế giới.

Về không gian: Luận văn nghiên cứu trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Về thời gian: từ năm 2016– 2021.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp lý luận biện chứng của Chủ Nghĩa Mác – Lê nin.

Phương pháp luận duy vật biện chứng.

Phương pháp luận duy vật lịch sử.

Phương pháp hệ thống hoá, tổng hợp, và phân tích.

Phương pháp phân tích, đối chiếu, so sánh luật học.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Với sự ra đời của các quy định mới lần đầu tiên được đưa vào hệ thống pháp luật Việt Nam, luận văn có ý nghĩa nghiên cứu vấn đề bằng cách tiếp cận mới so với các công trình nghiên cứu trước đây khi chưa có sự thay đổi của pháp luật. Đề tài đi sâu nghiên cứu pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam, trong điều kiện tương quan với bối cảnh hội nhập kinh tế, quốc tế hiện nay. Từ đó, thấy được những ưu, điểm khuyết điểm và đưa ra giải pháp nhằm nhằm hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài Phần mở đầu, phần kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được cơ cấu thành ba chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về hoà giải thương mại và pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại ở Việt Nam.

Chương 3: Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI VÀ PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát về hòa giải thương mại

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của hòa giải thương mại

Khái niệm hòa giải thương mại

Hoà giải được hiểu là một cách thức giải quyết tranh chấp, một quá trình linh hoạt mà trong đó hoà giải viên với tư cách là người thứ ba trung lập tích cực hỗ trợ các bên, giúp họ mở rộng góc nhìn sự việc, đánh giá các khía cạnh đa chiều, nhìn nhận rõ những rủi ro và thách thức từ đó định hướng cho các đương sự đưa ra quyết định giải quyết cuối cùng.

Hòa giải thương mại có thể được định nghĩa như sau: *Hoà giải thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại độc lập, theo đó việc giải quyết tranh chấp được diễn ra theo một trình tự thủ tục tự nguyện, bảo mật với sự tham gia của các bên tranh chấp và bên thứ ba trung lập (gọi là hoà giải viên thương mại) do các bên lựa chọn, hoà giải viên thương mại trợ giúp các bên tranh chấp đạt được một sự đồng thuận trên cơ sở tự quyết.*

Đặc điểm hòa giải thương mại

Xét về bản chất, giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng hoà giải mang tính độc lập, lựa chọn và phi tố tụng.

Hoà giải bao gồm một tập hợp những nguyên tắc và quy định có thể là độc lập với những nguyên tắc và quy định của hoạt động Toà án. Giải quyết tranh chấp bằng hoà giải tôn trọng và phản ánh đầy đủ quyền tự chủ, tự định đoạt của các bên trong quan hệ kinh doanh, thương mại. Hoà giải thương mại không phải một chế định có tính ràng buộc hay cưỡng chế đối với các bên.

Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hoà giải có sự hiện diện của bên thứ ba là hoà giải viên.

Với vai trò cấu nối, người thứ ba được các bên lựa chọn làm trung gian hoà giải có vai trò quan trọng và giữ vị trí trung tâm mặc dù kết quả giải quyết cuối cùng vẫn thuộc về ý chí và nguyện vọng của đương sự.

Quá trình hoà giải các bên tranh chấp không chịu sự chi phối bởi các quy định có tính khuôn mẫu, bắt buộc của pháp luật về thủ tục hoà giải.

Thủ tục để tiến hành hoà giải không cứng nhắc như thủ tục tố tụng trọng tài hay toà án. Các bên giải quyết tranh chấp tiến hành thảo luận với hoà giải viên về trình tự hoà giải.

Hòa giải tranh chấp thương mại tiết kiệm thời gian, chi phí và bảo đảm "bí mật" cho các bên tranh chấp.

Phương thức này chủ yếu dựa trên sự thoả thuận giữa các bên tranh chấp kết hợp với những hỗ trợ thúc đẩy từ hoà giải viên. Chi phí giải quyết tranh chấp bằng hoà giải cũng thấp hơn so với trọng tài hoặc toà án. Hoà giải thương mại là

một quy trình có tính bảo mật. Vụ việc hoà giải được giải quyết không công khai để đảm bảo giữ gìn bí mật của các bên trong quan hệ kinh doanh, thương mại.

Kết quả hoà giải không có tính cưỡng chế thi hành, phụ thuộc vào thiện chí của các bên tranh chấp

Đây là đặc điểm tương đồng với hình thức giải quyết tranh chấp bằng thương lượng. Tuy nhiên, để đảm bảo công lý được thực thi, quy trình hoà giải sẽ được tiến hành theo các bước nhằm đạt được hiệu quả giải quyết. Kết quả của phiên hoà giải được ghi nhận bằng văn bản có giá trị ràng buộc và các bên phải tôn trọng.

1.1.2. Phân loại hòa giải thương mại

Theo hình thức hoà giải thương mại

Hoà giải thương mại quy chế: Là hình thức giải quyết tranh chấp tại một tổ chức hoà giải thương mại và theo quy tắc hoà giải của tổ chức đó.

Hoà giải thương mại vụ việc: Là hình thức giải quyết tranh chấp do hoà giải viên thương mại được các bên lựa chọn tiến hành, hoà giải viên giải quyết vụ tranh chấp với tư cách độc lập.

Theo phương thức tố tụng hoà giải

Hòa giải thương mại trong tố tụng: Là việc các bên chủ động lựa chọn giải quyết tại Trọng tài hoặc Toà án, nhưng trong quá trình giải quyết bằng phương thức này, các bên được khuyến khích hoặc yêu cầu hoà giải với nhau.

Hòa giải thương mại ngoài tố tụng: Là hình thức hòa giải thường do các tổ chức trọng tài thương mại thực hiện hoặc do các tổ chức làm dịch vụ hòa giải chuyên nghiệp hoặc do một bên thứ ba (tổ chức, cá nhân) làm trung gian hòa giải theo yêu cầu của các bên tranh chấp.

Theo phương pháp hòa giải

Phương pháp hoà giải thúc đẩy (Facilitative): Là phương pháp hoà giải mà theo đó các bên sẽ tự thoả thuận với nhau. Hoà giải viên chỉ đóng vai trò khuyến khích các bên trao đổi.

Phương pháp hoà giải đánh giá (Evaluative): Là phương pháp hoà giải mà hoà giải viên sẽ đưa ra quan điểm đánh giá của mình về vị thế mạnh hay yếu của từng bên trong tranh chấp.

Phương pháp hoà giải hướng dẫn (Directive): Là phương pháp hoà giải mà trong đó hoà giải viên vừa đóng vai trò thúc đẩy đồng thời nỗ lực thuyết phục các bên lựa chọn ra phương án giải quyết công bằng nhất.

Phương pháp hoà giải chuyển đổi (Transformative): là phương pháp hoà giải hoà giải viên sẽ tập trung vào thúc đẩy từng bên hiểu được quan điểm của bên kia để tự tìm được giải pháp giải quyết phù hợp.

1.1.3. Vai trò của hòa giải thương mại

Đảm bảo quyền tự quyết, tự định đoạt của các đương sự.

Các bên tranh chấp khi tham gia giải quyết thông qua cơ chế hoà giải thương mại có thể cùng nhau thoả luận, trao đổi, đàm phán, phân tích mâu thuẫn và đề xuất phương án giải quyết tối ưu. Các bên có quyền tự do bày tỏ, thể hiện và bảo vệ cho quan điểm của mình.

Các bên có thể kiểm soát mức độ tranh chấp, mối quan hệ hợp tác vẫn được giữ gìn sau khi hoà giải.

Giải quyết tranh chấp bằng hòa giải có thể duy trì hoặc cải thiện mối quan hệ giữa các bên nhờ việc xem xét đến lợi ích và quan tâm thực tế của họ.

Thủ tục hoà giải thương mại linh hoạt, không cứng nhắc, có thể được thỏa thuận và điều chỉnh cho thích nghi.

Thủ tục hoà giải thương mại rất linh hoạt, đơn giản và hoà giải viên xử lý cả vấn đề tình tiết và vấn đề pháp luật. Nhưng "luật" không phải là trọng tâm của quy trình hòa giải. Hòa giải không phải là việc quyết định ai đúng ai sai, người nào có lỗi, tuyên bố ai thắng ai thua mà là nhìn vào tương lai.

1.2. Khái quát về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

1.2.1. Khái niệm tổ chức hoà giải thương mại

Tổ chức hòa giải thương mại là một tổ chức hoạt động trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; được thành lập để cung cấp dịch vụ hoà giải chuyên nghiệp cho xã hội.

Tổ chức hoà giải thương mại là một tổ chức độc lập, có tư cách pháp nhân, nhưng không có chức năng kinh doanh, không hoạt động dưới tư cách doanh nghiệp. Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ công nhận hai loại hình tổ chức hoà giải thương mại bao gồm: Trung tâm hoà giải thương mại và trung tâm trọng tài thương mại thực hiện chức năng hoà giải thương mại. Các tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài chỉ được hoạt động ở Việt Nam dưới tư cách chi nhánh và văn phòng đại diện.

1.2.2. Ý nghĩa của hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại góp phần nâng cao mức độ đảm bảo quyền tự do kinh doanh cho các thương nhân tại thị trường Việt Nam.

Các bên hạn chế được nguy cơ bị gián đoạn kinh doanh so với các quy trình tố tụng như trọng tài hay Toà án. Đây là một phương thức đảm bảo rất tốt quyền tự do kinh doanh của thương nhân. Phát triển hoà giải thương mại cùng tổ chức hoà giải thương mại thúc đẩy sự cạnh tranh trong dịch vụ giải quyết tranh chấp.

Hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại góp phần giảm gánh nặng cho hệ thống Toà án.

Việc phát triển hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại là một giải pháp tốt để "giảm tải công việc xét xử cho hệ thống Toà án, tiết kiệm chi phí xã hội".

Hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại là một công cụ giúp Nhà nước thực hiện chính sách hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển kinh tế bền vững.

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, việc phát triển phương thức hoà giải thương mại đem lại những lợi ích tích cực, điển hình như việc tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam bằng cách thức đa dạng hoá các phương thức giải quyết tranh chấp.

1.3. Khái quát pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

1.3.1. Khái niệm pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại.

Pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại là tổng thể các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận để điều chỉnh quan hệ hoà giải các tranh chấp kinh doanh, thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại.

1.3.2. Nội dung và cấu trúc pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Ở Việt Nam, nội dung pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại hiện hành bao gồm các nhóm vấn đề lớn:

- Nhóm quy định về chủ thể hoà giải;
- Nhóm quy định về giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại;
- Nhóm quy định về quản lý Nhà nước về hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại.

1.3.3. Sơ lược lịch sử pháp luật Việt Nam về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Pháp luật về hoà giải thương mại nói chung và hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại ở Việt Nam có lịch sử non trẻ, có thể nói là ra đời khá muộn. Hoà giải đã có cơ sở xã hội hình thành ngay từ thời phong kiến. Tuy nhiên, thời kỳ Bắc thuộc cho đến giai đoạn từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, khi Việt Nam là thuộc địa của Pháp, hệ thống giải quyết tranh chấp tố tụng chính thống tại Việt Nam được hình thành là Toà án,thời gian này hoà giải không được phát triển. Suốt giai đoạn sau cách mạng tháng tám tới cuộc kháng chiến chống Pháp năm 1954 cho đến Pháp lệnh của Hội đồng Nhà nước số 52-LCT/HĐNN8 ngày 07 tháng 05 năm 1991 về hợp đồng dân sự, vai trò của hòa giải trong nền tài phán nước ta còn mờ nhạt, khái niệm tổ chức hòa giải thương mại chưa xuất hiện trên thực tế.

Trước khi có pháp luật riêng về hoà giải thương mại, sự phát triển của hệ thống pháp luật về dân sự, kinh doanh, thương mại ở Việt Nam cũng đã đề cập tới sự tồn tại của phương thức hoà giải: Bộ luật dân sự 1995, Bộ luật dân sự 2005, Luật thương mại 2005 đến Bộ luật dân sự 2015. Lúc này, nhà nước đã ghi nhận vai trò của một tổ chức đứng ra làm trung gian hòa giải tuy nhiên cơ sở pháp lý cho tổ chức hoà giải thương mạivẫn chưa thực sự rõ ràng.

Từ Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị, việc xây dựng hành lang pháp lý về hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại manh nha hình thành. Thực hiện Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan xây dựng và trình Chính phủ Nghị định về Hòa giải thương mại. Trên cơ sở định

hướng đó, Nghị định của Chính phủ số 22/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 về hoà giải thương mại được ban hành. Lúc này, chúng ta mới chính thức có một công cụ mới để các bên có thể giải quyết tranh chấp một cách hòa bình, thân thiện và nhanh chóng.Văn bản trên đã tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển dịch vụ hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại; tạo hành lang pháp lý thống nhất trong việc khuyến khích các bên tranh chấp sử dụng dịch vụ hoà giải.

Tiểu kết Chương 1

Văn hoá Việt Nam nói riêng và văn hoá Á Đông nói chung thường khuyến khích các bên tìm con đường hoà giải thân thiện để giải quyết tranh chấp hơn là phương án thông qua xét xử. Một phân tích dựa trên các số liệu thống kê về mối quan hệ giữa việc bảo đảm thực thi hợp đồng tại Việt Nam với tình hình tăng trưởng kinh tế đã cho thấy rằng thực trạng giải quyết tranh chấp thương mại có tác động đáng kể tới nhiều yếu tố của môi trường kinh doanh. Do đó, đòi hỏi chúng ta cần phải tạo điều kiện thuận lợi cho những phương thức giải quyết tranh chấp mới, linh hoạt hơn phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Hoà giải đã xuất hiện từ lâu trên thế giới và là phương thức phổ biến được ưa chuộng. Tại Việt Nam, phương thức này đang ngày càng chứng minh được ưu điểm của nó.

Hòa giải thương mại đã được nhắc đến và quy định trong Bộ luật tố dụng dân sự 2015. Nhưng cho đến khi Nghị định 22/2017/NĐ-CP được ban hành, chúng ta mới có một khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh về hòa giải thương mại và tổ chức hoà giải thương mại. Tổ chức hòa giải thương mại là một khái niệm còn khá mới mẻ trong nền tài phán ở nước ta, song lại có tiềm năng phát triển rất lớn. Tầm nhìn và sứ mệnh của tổ chức hòa giải thương mại không chỉ gói gọn ở việc làm tròn bổn phận của một tổ chức chuyên môn cung cấp các dịch vụ hoà giải cho nền kinh tế mà còn đóng vai trò thúc đẩy những cải cách thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ nâng cao năng lực của các doanh nghiệp vươn tới chuẩn mực toàn cầu trong lĩnh vực pháp lý hợp đồng, quản trị rủi ro, phòng ngừa và xử lý tranh chấp; đảm bảo kinh doanh an toàn, có hiệu quả trong điều kiện của một thế giới biến đổi khó lường.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Phương thức giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại có tính chuyên nghiệp đã được quy định tại một số văn bản pháp luật, như Bộ luật Hàng hải, Luật Thương mại, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ người tiêu dùng…Hiện nay, khuôn khổ pháp lý về hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại ở Việt Nam được xây dựng tương đối đầy đủ. Qua đó, một cơ chế giải quyết tranh chấp hoà bình, thân thiện và nhanh chóng được hình thành.

2.1.1. Quy định pháp luật về phạm vi giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Tranh chấp thương mại giữa các bên muốn lựa chọn hoà giải tại tổ chức hoà giải thương mại trước hết phải thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 2 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP. như sau: Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; Tranh chấp giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại.

Điều kiện tiên quyết thứ hai để một tranh chấp thương mại được giải quyết thông qua tổ chức hoà giải thương mại được quy định tại Điều 6, Điều 11 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, đó là các bên phải có thoả thuận hoà giải.

2.1.2. Quy định pháp luật về trình tự, thủ tục hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Được quy định tại các điều từ Điều 11 đến Điều 19 Nghị định 22/2017/NĐ-CP về hòa giải thương mại. Nhìn chung, pháp luật Việt Nam không cứng nhắc trong trình tự, các bước tiến hành phương thức giải quyết tranh chấp này.

2.1.3. Quy định pháp luật về chế độ bảo mật trong hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Được luật hoá rõ ràng theo Khoản 2 Điều 4, Điểm c Khoản 2 Điều 9 Nghị định 22/2017/NĐ-CP, thể hiện ở hai khía cạnh chủ đạo: (i) cơ chế hoà giải phải đảm bảo bí mật thông tin vụ việc với bên thứ ba; (ii) tổ chức hoà giải thương mại phải đảm bảo bí mật về quan điểm xử lý tranh chấp của mỗi bên và không được tiết lộ cho bên kia.

2.1.4. Quy định pháp luật về thực hiện kết quả hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Pháp luật hiện hành chỉ quy định trường hợp các bên hoà giải thành tại tổ chức hoà giải thương mại thì phải tiến hành lập văn bản để ghi nhận kết quả (Điều 15 Nghị định 22/2017/NĐ-CP). Để bảo đảm rằng mỗi bên sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình theo kết quả hòa giải thành, các bên cũng có thể yêu cầu Tòa

án công nhận theo quy định tại Chương XXXIII Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, từ Điều 416 đến Điều 419.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Theo số liệu thống kê mới nhất, Việt Nam hiện đã có 22 tổ chức hòa giải thương mại, trong đó 15 trung tâm hòa giải thương mại và 7 trung tâm trọng tài thực hiện chức năng hòa giải. Số lượng hòa giải viên tại Việt Nam là hơn 100 người. Tuy nhiên, nhìn chung số lượng vụ việc tranh chấp được giải quyết thông qua hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại còn rất thấp, chỉ chiếm gần 1% số vụ việc tranh chấp được giải quyết tại Toà án. Sự phát triển của tổ chức hòa giải thương mại hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức độ tiềm năng, chưa tương xứng với số lượng các tranh chấp có thể phát sinh.

2.2.1. Những kết quả đạt được trong quá trình thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Thứ nhất, các vấn đề pháp lý về hoà giải thương mại; tư cách và địa vị pháp lý của tổ chức hoà giải thương mại được ghi nhận rõ ràng, thống nhất; là bàn đạp để các tổ chức hoà giải thương mại hình thành và phát triển.

Thứ hai, mở ra một kênh mới trong việc dung hoà quan hệ lợi ích giữa các bên tranh chấp.

Thứ ba, đa dạng hoá phương thức giải quyết tranh chấp ngoài toà án và trọng tài.

Thứ tư, quá trình thực thi pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại thúc đẩy các tổ chức này phải vận động và hoàn thiện hơn nữa để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Thứ năm, quản lý nhà nước về hoà giải thương mại nói chung và tổ chức hoà giải thương mại nói riêng được tăng cường, chặt chẽ và có hiệu lực, hiệu quả

2.2.2. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Thứ nhất, hòa giải viên tại các tổ chức hoà giải thương mại đáp ứng đủ về tiêu chí chuyên môn và nghiệp vụ hòa giải rất ít khiến việc kiểm soát chất lượng còn chưa đồng đều, chưa được đào tạo bài bản.

Thứ hai, quy định hiện tại về thủ tục hoà giải vẫn được coi là "mở", điều này có thể là ưu điểm khi tạo nên cơ chế linh hoạt, chủ động, tiết kiệm thời gian nhưng cũng cho thấy sự thiếu chuyên nghiệp và đôi khi gây ra lúng túng khi áp dụng.

Thứ ba, pháp luật hiện hành giao cho Nhà nước chủ yếu giữ vai trò kiểm soát và công nhận tư cách pháp lý cho các tổ chức hoà giải thương mại mà chưa rõ vai trò thúc đẩy bằng cách ban hành các chính sách khuyến khích. Việc thừa nhận hai loại hình tổ chức hoà giải thương mại làm hạn chế hoạt động hoà giải của các tổ chức khác trong xã hội.

Thứ tư, một trong những ưu điểm vượt trội của hoà giải so với các phương pháp giải quyết tranh chấp thay thế khác là nhanh chóng, tiết kiệm thời gian.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, do không có cơ chế ràng buộc của pháp luật nên chỉ có duy nhất VICMC là trung tâm công khai áp dụng cơ chế hoà giải ấn định thời gian giải quyết ngắn, mức phí thấp phù hợp với thời gian hoà giải. Còn những tổ chức hoà giải thương mại khác mới chỉ dừng lại ở mức phương châm, khẩu hiệu. Pháp luật nước ta đã có những chế định riêng để đảm bảo khả năng thực thi kết quả hoà giải thành tại tổ chức hoà giải thương mại nhưng lại không có quy định cụ thể về thời gian công nhận cho thi hành thoả thuận cũng như công tác thi hành án.

Thứ năm, quyền và nghĩa vụ của tổ chức hoà giải thương mại chưa được nghiên cứu và luật hoá một cách toàn diện, phổ quát. Việc pháp luật không quy định rõ ràng ảnh hưởng tới quyền của tổ chức hoà giải thương mại, đặc biệt là vấn đề thu thù lao và các khoản thu hợp pháp khác. Nghị định 22/2017/NĐ-CP không tập trung quy định nghĩa vụ của tổ chức hoà giải đối với các bên tranh chấp, mà chủ yếu sẽ được căn cứ vào Quy tắc hoà giải và thoả thuận hợp đồng với các bên. Pháp luật chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức hòa giải thương mại, chưa có những quy định về chế tài khi tổ chức hoà giải thương mại vi phạm quy định của hòa giải.

Thứ sáu, theo pháp luật hiện hành, để thành lập được trung tâm hoà giải thì người nộp hồ sơ phải là công dân Việt Nam, đáp ứng các tiêu chuẩn để trở thành hoà giải viên thương mại. Quy định này của pháp luật đã triệt tiêu, giới hạn tư cách chủ thể thành lập các tổ chức hoà giải thương mại.

Thứ bảy, về thủ tục xin cấp phép thành lập trung tâm hoà giải thương mại, quy định hiện hành của Nhà nước không chỉ rõ cơ sở cho việc xem xét hồ sơ để ra quyết định đồng ý hay không đồng ý thành lập Trung tâm hoà giải thương mại, đây sẽ là một điểm gây rủi ro cho quá trình thành lập Trung tâm hoà giải trong thực tế.

Thứ tám, nguyên tắc bảo đảm bí mật trong quá trình hoà giải được coi là nguyên tắc cốt lõi. Tuy nhiên, chỉ có một vài trung tâm hoà giải và trung tâm trọng tài có đề cao nguyên tắc này như quy tắc hoà giải của VICMC hay VMC. Để củng cố được chế định bảo đảm bí mật này, pháp luật về xử phạt hành chính cũng cần phải bổ sung nội dung bảo mật trong hoạt động hoà giải.

2.2.3. Nguyên nhân của những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

Nhận thức về vai trò của tổ chức hòa giải thương mại còn hạn chế

Các bên tranh chấp chưa biết nhiều về hoạt động của các tổ chức hòa giải thương mại, chưa hiểu hết về ý nghĩa của phương thức giải quyết tranh chấp này. Phần lớn cá nhân, tổ chức chưa coi hòa giải thương mại là một hoạt động dịch vụ giải quyết tranh chấp chuyên nghiệp nên chưa sử dụng rộng rãi.

Chính sách tuyên truyền hạn chế

Công tác phổ biến pháp luật không nhận được nhiều sự quan tâm của chính quyền, do vậy mà thực tế là sự hiểu biết của người dân về pháp luật rất hạn chế, chỉ trừ những vấn đề phải tiếp xúc hàng ngày, đặc biệt là pháp luật trong các lĩnh vực đặc thù.

Pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại khá mới và còn nhiều điểm bất cập

Tại Việt Nam, mặc dù hòa giải là phương thức giải quyết tranh chấp có truyền thống lâu đời dựa trên tâm lý *"Một bồ cái lý không bằng một tý cái tình"* từ xa xưa nhưng khung pháp lý về hòa giải thương mại nói chung và tổ chức hòa giải thương mại nói riêng lại ra đời khá muộn. Phải đến khi Nghị định số 22/2017/NĐ-CP được ban hành, cơ sở pháp lý cho việc đa dạng hóa cơ chế giải quyết tranh chấp mới hình thành. Mặt khác, khung pháp lý của hòa giải còn tồn tại một số bất cập, đã ảnh hưởng đến chất lượng hòa giải và gây ra khó khăn cho các chủ thể tham gia quy trình hòa giải. Chính vì vậy cần đặt ra giải pháp hoàn thiện khung pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức hòa giải thương mại để phương thức này thực sự phát triển đúng với tiềm năng của nó.

Tiểu kết Chương 2

Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải đang trở thành một xu hướng trên thế giới bởi những ưu điểm về thời gian, chi phí, khả năng duy trì mối quan hệ giữa các bên và mức độ bảo mật thông tin. Nhà nước ta khuyến khích các bên sử dụng hòa giải thương mại nhằm giảm thiểu những mâu thuẫn không đáng có trong quá trình kinh doanh. Tinh thần này được thể hiện rõ nét từ Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp. Được "thai nghén" trong khoảng thời gian 05 năm, Nghị định số 22/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/4/2017 là văn bản pháp lý đầu tiên của Việt Nam ghi nhận quan hệ hoà giải cũng như quy định về tư cách pháp lý của tổ chức hòa giải thương mại. Nghị định điều chỉnh các nguyên tắc, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại, hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại, tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam và quản lý nhà nước về hoạt động hòa giải thương mại. Đây là văn bản mang tính chính thức đầu tiên điều chỉnh hoạt động hòa giải tại tổ chức hòa giải thương mại, mở ra một kênh giải quyết tranh chấp có nhiều ưu điểm.

Tuy nhiên, theo khung pháp lý hiện hành Nhà nước chủ yếu tập trung quy định các thủ tục về quản lý hành chính đối với tổ chức hoà giải thương mại mà chưa thực sự quan tâm tới các chính sách đảm bảo chất lượng, thúc đẩy các chủ thể này cung cấp dịch vụ hoà giải cho thị trường. Thực tiễn tại Việt Nam cho thấy sự phát triển của tổ chức hòa giải thương mại hiện nay mới chỉ dừng lại ở mức độ tiềm năng, chưa tương xứng với số lượng các tranh chấp có thể phát sinh. Do đó, để đảm bảo đúng chủ trương là tạo điều kiện và khuyến khích hoà giải thương mại phát triển, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hoà giải thương mại dưới cả hai góc độ xây dựng hình thức pháp luật và hoàn thiện nội dung pháp luật.

Chương 3
ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI TẠI TỔ CHỨC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

3.1.1. Đảm bảo dựa trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động hòa giải thương mại.

Với mục tiêu hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng hòa giải tại tổ chức hòa giải thương mại theo hướng thống nhất, đồng bộ, khả thi; cần xây dựng và hoàn thiện các quy định của pháp luật còn bất cập và hạn chế. Tuy nhiên, hướng sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chế định đó cần tuân thủ với nền tảng tôn trọng và đảm bảo các nguyên tắc cơ bản của hoạt động giải quyết tranh chấp bằng hòa giải thương mại nói chung. Điều này thể hiện sự nhất thể ở khía cạnh pháp luật và tính chất nội tại của phương thức giải quyết tranh chấp này.

3.1.2. Đảm bảo tuân thủ các chủ trương, chính sách của Đảng

Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã đề ra nhiệm vụ *"khuyến khích một số tranh chấp thông qua thương lượng, hoà giải, trọng tài; tòa án hỗ trợ bằng quyết địnhcông nhận việc giải quyết đó"*. Qua đó, Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp sử dụng hòa giải thương mại để giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực thương mại và các tranh chấp khác mà pháp luật quy định được giải quyết bằng hòa giải thương mại; khuyến khích huy động các nguồn lực tham gia hoạt động hòa giải thương mại, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hòa giải viên thương mại, tổ chức hòa giải thương mại.

Tại Hội thảo cải cách tư pháp do Toà án nhân dân Tối cao tổ chức ngày 11/01/2022, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nhận định: một số nhiệm vụ được Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 đề ra nhưng chưa được triển khai thực hiện hoặc đã được triển khai nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong đó có nhiệm vụ, đa dạng hoá và thúc đẩy các phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Toà án. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề mới phát sinh do tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các bối cảnh kinh tế xã hội của Việt Nam trong giai đoạn mới cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp để thích ứng tốt hơn với tình hình mới, thúc đẩy và bảo vệ quá trình phát triển bền vững về kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần hữu hiệu vào việc hiện thực hóa các mục tiêu phát triển chung của đất nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định *"Tiếp tục xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân"* là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mặt khác, thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 20/7/2021 của Ban Chỉ đạo

xây dựng Đề án "Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045", Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền tự do kinh doanh theo nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm, tạo lập môi trường pháp lý cho cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, phù hợp với nguyên tắc của WTO và các cam kết quốc tế khác. Nhà nước cần hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế mà nội dung trọng tâm là hoàn thiện pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế (trọng tài, hoà giải) phù hợp với tập quán thương mại quốc tế. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật hoà giải thương mại nói chung và hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại nằm trong chính sách chung của Nhà nước về mục tiêu cải cách tư pháp và hoàn thiện thể chế nền kinh tế thị trường.

3.1.3. Đảm bảo phù hợp với thực tiễn và các điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam hiện nay

Với chủ trương hội nhập quốc tế, các hiệp định quốc tế về thương mại tự do thế hệ mới (FTA) của Việt Nam đã có những quy định về giải quyết tranh chấp bằng hoà giải. Hơn nữa cuối năm 2018, Việt Nam vừa được bầu làm thành viên chính thức của UNCITRAL. Với trọng trách mới, Việt Nam cần thúc đẩy hoạt động hòa giải. Mặt khác, cùng với việc tham gia WTO, chúng ta đã có những cam kết về việc phát triển lĩnh vực dịch vụ trọng tài, hòa giải thương mại. Tóm lại, trên bình diện quốc tế để tham gia vào sân chơi chung với các quốc gia khác, pháp luật Việt Nam cần phải có sự thay đổi, hoàn thiện thông qua việc hoàn thiện hệ thống các tổ chức hòa giải thương mại để đáp ứng yêu cầu quá trình hội nhập.

Xét về nhu cầu thực tiễn, một cuộc khảo sát về phương thức hòa giải thương mại và giải quyết tranh chấp tại Việt Nam được tiến hành bởi Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam VIAC và Công ty tài chính quốc tế (IFC) cho thấy 79% doanh nghiệp được khảo sát ưa thích phương thức hòa giải tích cực (evaluative style) với việc hòa giải viên chủ động hướng dẫn các bên so với hòa giải mang tính hỗ trợ (facilitative style). Cũng từ khảo sát nêu trên, doanh nghiệp thể hiện mong muốn để cải thiện hiện trạng hòa giải thương mại tại Việt Nam. Như vậy, thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại của Việt Nam đang đòi hỏi Nhà nước ta phải hoàn thiện các chế định pháp luật về hoà giải, tổ chức hòa giải thương mại; tiến tới thực thi các điều ước quốc tế về thương mại và đầu tư, nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hòa giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại

3.2.1. Mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp của tổ chức hoà giải thương mại

Nghị định số 22/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hoà giải thương mại chỉ áp dụng chủ yếu cho loại tranh chấp thương mại. Đó là tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại, giữa các bên trong đó có ít nhất một bên có hoạt động thương mại hoặc phải được pháp luật quy định về việc sử dụng phương thức này. Theo quan điểm của tác giả luận văn, Việt Nam nên có lộ trình về việc xây dựng Luật

về hoà giải với phạm vi bao gồm việc hoà giải các tranh chấp trong xãhội, trừ một số quan hệ đặc thù như hành chính, hình sự. Theo đó, Luật này sẽ bao gồm cả phạm vi hoà giải thương mại, hoà giải hôn nhân gia đình, hoà giải tranhchấp đất đai, lao động, dân sự ….nếu các bên có nhu cầu sử dụng dịch vụ hoà giải. Hay nói cách khác, Luật hoà giải sẽ là văn bản pháp lý quy định cơ sở pháp lý cho chủ thể hoà giải, xác định quy trình hoà giải tiêu chuẩn và các vấn đề liên quan đến phạm vi nghề nghiệp của hoạt động dịch vụ hoà giải trong xã hội của tổ chức hoà giải thương mại. Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế chung trên thế giới.

3.2.2. Hoàn thiện các quy định về chủ thể có quyền thành lập tổ chức hoà giải thương mại

Pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ trao quyền duy nhất cho cá nhân được phép thành lập tổ chức hoà giải thương mại dưới hình thức Trung tâm hoà giải. Việt Nam cũng nên ghi nhận chủ thể thành lập của Trung tâm hoà giải có thể là các tổ chức. Quy định như vậy sẽ mở rộng quyền thành lập trung tâm hoà giải cho các tổ chức kinh doanh, tổ chức hành nghề luật, các cơ sở đào tạo và nghiên cứu luật tham gia vào hoạt động hoà giải. Đây là nguồn lực dồi dào và sẵn có, có tính chuyên môn cao, sẽ giúp khuyến khích và phát triển mô hình hoà giải thương mại ở Việt Nam.

3.2.3. Hoàn thiện các quy định về thành lập, hoạt động và chấm dứt của tổ chức hoà giải thương mại

Pháp luật hiện hành quy định các nghĩa vụ hành chính đối với tổ chức hoà giải thương mại khá nhiều, nặng về mặt thủ tục, mang tính kiểm soát, chi phối Nhà nước lớn. Điều này gây khó khăn trong quá trình hoạt động.

Đối với Trung tâm hòa giải thương mại, ở bước thành lập đặt dưới sự quản lý của hai cấp hành chính là xin Giấy phép thành lập tại Bộ Tư pháp và đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp cấp tỉnh. Nghĩa vụ hành chính mà các tổ chức hòa giải thương mại phải thực hiện trong suốt quá trình hoạt động cũng không kém phần phức tạp, mang nặng tính chi phối, kiểm soát hơn là tinh thần khuyến khích, thúc đẩy phát triển. Mặc dù Nghị định 22/2017/NĐ-CP có quy định khá chung chung về nghĩa vụ báo cáo hoạt động, lưu trữ hồ sơ, cung cấp thông tin về kết quả hoà giải cho cơ quan Nhà nước nhưng Thông tư số 02/2018/TT-BTP lại hướng dẫn, cụ thể hoá rất nhiều loại thông tin mà tổ chức hoà giải cần phải lưu trữ và cung cấp. Việc yêu cầu cung cấp thông tin và lưu trữ hồ sơ có mặt tích cực là giúp cho cơ quan Nhà nước nắm được số liệu, hoạt động của các tổ chức hoà giải, từ đó có sự điều chỉnh về chính sách, pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, cần có các quy định rõ hơn ngay từ văn bản có hiệu lực cao nhất và cũng theo hướng là giảm thiểu các nghĩa vụ hành chính của tổ chức hoà giải đối với Nhà nước.

3.2.4. Hoàn thiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức hòa giải thương mại

Hoạt động của các tổ chức hòa giải thương mại trên thế giới rất được các thương nhân ưa chuộng bởi tính mềm dẻo và linh hoạt. Tuy nhiên, ở Việt Nam

đây còn là một phương thức khá mới mẻ, khả năng tiếp cận các doanh nghiệp tuy rất tiềm năng song cũng tồn tại nhiều điểm hạn chế, vướng mắc. Nhà nước cần bổ sung các quy định mang tính định hướng rõ hơn để giúp các tổ chức hoà giải thương mại được vận hành một cách hiệu quả trong thực tế. Trong đó, cần đặc biệt chú trọng vào các quy định về quyền và nghĩa vụ, nhằm xây dựng cơ chế ràng buộc trách nhiệm rõ ràng và khả thi hơn.

Về quyền, pháp luật cần bổ sung một số quyền cho tổ chức hòa giải thương mại như: quyền đồng ý tiếp nhận hoặc từ chối giải quyết tranh chấp; quyền tự chấm dứt hoạt động hòa giải trong trường hợp pháp định hoặc theo Quy tắc hòa giải; quyền quản lý lao động đối với hòa giải viên thương mại thuộc tổ chức mình; quyền được hưởng thù lao theo thỏa thuận tiếp nhận vụ việc với các bên giải quyết tranh chấp…

Về mặt nghĩa vụ, để hỗ trợ tốt hơn cho các tổ chức hoà giải, đảm bảo đúng tinh thần khuyến khích hoà giải phát triển, Bộ Tư pháp nên tiếp tục ban hành những hướng dẫn cụ thể hơn về nội dung khuyến nghị cho Quy tắc đạo đức và ứng xử của hoà giải viên thương mại và Quy tắc hoà giải. Bên cạnh đó, cũng cần bổ sung thêm về một số nghĩa vụ cơ bản của tổ chức hoà giải đối với các bên tranh chấp như: Thực hiện việc giải quyết tranh chấp như thoả thuận; có trách nhiệm giới thiệu, chỉ định hoà giải viên thuộc tổ chức của mình với các bên khi có yêu cầu; chịu trách nhiệm về chất lượng và tiêu chuẩn của hoà giải viên; có trách nhiệm hỗ trợ về địa điểm giải quyết tranh chấp và các hoạt động khác liên quan đến quá trình hoà giải tranh chấp; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho khách hàng nếu quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng bị xâm phạm trong quá trình giải quyết tranh chấp.

3.2.5. Hoàn thiện các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành hòa giải của các tổ chức hòa giải thương mại

Pháp luật cần bổ sung một số quy định chi tiết về các bước trong thủ tục hòa giải hoặc Bộ Tư pháp ban hành Quy tắc mẫu theo mô hình Luật mẫu về hòa giải thương mại quốc tế của Ủy ban pháp luật thương mại quốc tế Liên hợp quốc (Luật mẫu UNCITRAL) nhằm giúp các bên có cơ sở thực thi việc giải quyết tranh chấp bằng hòa giải. Đồng thời, định hướng cho các tổ chức hòa giải thương mại trong việc xây dựng một quy trình hòa giải chắc chắn, hiệu lực. Trong đó, cần tập trung vào một số nội dung chủ đạo sau:

Thỏa thuận hòa giải và hợp đồng về hòa giải thương mại.

Nếu các bên lựa chọn tổ chức hòa giải thương mại, pháp luật cần có quy định về việc xác lập thỏa thuận, hình thành hợp đồng và chọn hòa giải viên, cùng mức phí, thù lao cụ thể để tránh những rủi ro về sau. Đồng thời có thể bổ sung quy định về việc cam kết thi hành kết quả hòa giải thành. Lúc này, hợp đồng vừa có bản chất pháp lý xác lập mối quan hệ cung cấp dịch vụ giữa tổ chức hòa giải thương mại với chủ thể yêu cầu vừa là khế ước ràng buộc các bên nhằm nâng cao hiệu lực của kết quả hòa giải.

Trình tự các bước thiết yếu của phiên hòa giải:

Cần quy định quy trình hòa giải mang tính tổng quan, còn cụ thể thì sẽ do tự trung tâm hòa giải tự quy định. Việc quy định quy trình tổng quát vừa đảm bảo linh hoạt của các trung tâm mặt khác quy trình tổng quan được công bố công khai khiến cho các chủ thể nắm bắt quy trình và chủ động hơn khi hòa giải.

Định mức cụ thể biểu phí thù lao hoà giải tại tổ chức hoà giải thương mại.

Pháp luật cần có quy định cụ thể, định hướng cho các chủ thể về chi phí hoà giải. Chẳng hạn, tổ chức hoà giải thương mại được phép thu các loại chi phí liên quan đến: thù lao cho hoà giải viên, chi phí hành chính phục vụ việc hòa giải (chi văn phòng phẩm, nước uống, cước phí bưu chính, viễn thông phục vụ trực tiếp việc hòa giải); chi phí phiên dịch tiếng nước ngoài (thuê người biên dịch, thuê người phiên dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại); ....Đối với các khoản chi khác: Mức thu căn cứ theo thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cần có thêm quy định về địa điểm, không gian hay phong thái, ngôn ngữ, hành vi giao tiếp và ứng xử của những những người tham gia buổi hòa giải để tạo môi trường hòa giải thiện trí, tích cực và tạo điều kiện cho các bên dễ bày tỏ quan điểm, khiến họ dễ dàng nhận thấy chính họ là người *"làm chủ"* giải quyết các vấn đề. Quy định mỗi bên có thể kiểm chứng các thông tin của đối phương nhằm đảm bảo sự tin tưởng và minh bạch.

3.2.6. Hoàn thiện pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại

Trong nội dung pháp luật về hoạt động của các tổ chức hoà giải thương mại, thuật ngữ "xử lý vi phạm hành chính" được nhắc đến nhiều lần trong nhiều điều khoản. Nghị định 22/2017/NĐ-CP đã xây dựng căn cứ để xác định cho việc hình thành một văn bản pháp luật quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại. Thực hiện tinh thần trên, ngày 15/7/2020 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong đó, Mục 7 Nghị định quy định cụ thể về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong hoạt động hoà giải thương mại của tổ chức hoà giải thương mại. Tuy nhiên, Nghị định 82/2020/NĐ-CP chỉ tập trung điều chỉnh các hành vi vi phạm về nghĩa vụ hành chính mà Nhà nước đã đặt ra đối với các tổ chức hoà giải thương mại. Để đảm bảo trật tự và tính nghiêm minh của các quy định, tiêu chuẩn, tạo niềm tin, kích thích các doanh nghiệp lựa chọn, pháp luật cần bổ sung các quy định về xử phạt hành chính trong hoạt động hoà giải thương mại tại tổ chức thương mại.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về hòa giải thương mại

3.3.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ hoà giải viên thuộc tổ chức hoà giải thương mại

Tiêu chuẩn hòa giải viên, hiện nay chỉ quy định tại Nghị định 22/2017/NĐ-CP là yêu cầu tối thiểu về chuyên môn và năng lực hành vi dân sự. Các tiêu chuẩn về trình độ kiến thức và kỹ năng hòa giải chưa được quy định rõ ràng. Vì

vậy, để tạo niềm tin cho người dân và doanh nghiệp, củng cố vị thế của hòa giải với các phương thức giải quyết tranh chấp khác, các tổ chức hòa giải thương mại cần đào tạo bài bản, kiểm soát chất lượng đội ngũ hòa giải viên thuộc tổ chức mình. Hướng dẫn hòa giải viên chủ động, tích cực trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, kỹ năng hỗ trợ giải quyết tranh chấp đặc biệt là trong các lĩnh vực chuyên sâu như đầu tư, thương mại quốc tế, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm…Các tổ chức hòa giải thương mại cần thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao trình độ tính chuyên nghiệp, trang bị đầy đủ kỹ năng hòa giải.

3.3.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoà giải thương mại và hoạt động của tổ chức hoà giải thương mại

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật là giải pháp góp phần nâng cao nhận thức, kiến thức về hoà giải thương mại và tổ chức hoà giải thương mại. Từ đó, giúp phương thức giải quyết tranh chấp này tới gần hơn với đối tượng có nhu cầu, đi vào cuộc sống xã hội, nâng cao mức độ phổ biến. Cần đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu về các lợi ích của hoạt động giải quyết tranh chấp bằng hoà giải tại tổ chức hoà giải thương mại thông qua nhiều hình thức như truyền hình, chương trình chính sách pháp luật, thời sự để phổ biến rộng rãi trong xã hội. Trong đó, cần đặc biệt chú trọng đến đối ngũ luật gia, luật sư - đó là những người trung gian tư vấn và thuyết phục khách hàng của mình sử dụng dịch vụ hoà giải; cùng các hiệp hội hành nghề, thành phần tham gia và liên quan tới hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại như toà án, thẩm phán, cơ quan lập pháp. Bộ Tư pháp, các Sở tư pháp cần có kế hoạch tuyên truyền về tổ chức hòa giải thương mại. Liên đoàn luật sư Việt Nam, Đoàn luật sư các tỉnh, thành phố đưa nội dung về hòa giải thương mại vào các chương trình bồi dưỡng pháp luật. Các Trường luật, khoa luật bổ sung, hoàn thiện thêm nội dung về hòa giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại.

3.3.3. Xây dựng cơ chế phối hợp, kết nối của Toà án với hoạt động hoà giải thương mại tại tổ chức hoà giải thương mại

Pháp luật Việt Nam hiện hành chỉ ghi nhận và quy định vai trò của Nhà nước trong quản lý thủ tục hành chính đối với việc thành lập, hoạt động, chấm dứt tổ chức hòa giải thương mại. Sự hỗ trợ của Tòa án chỉ nằm ở giai đoạn hậu tố, thể hiện ở việc các bên yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Theo quan điểm của tác giả luận văn, Nhà nước cần ban hành quy định pháp luật về việc Thẩm phán Toà án cần gợi ý cho các bên hoà giải tại bất kỳ thời điểm nào của vụ tranh chấp tại Toà án và hỗ trợ các bên yêu cầu sự trợ giúp của dịch vụ hoà giải. Đây cũng là một khuyến nghị của Chuyên gia- Thẩm phán Gordon Low. Để thực hiện được điều đó, Nhà nước cần có sự nghiên cứu và chuyển hoá các quy định vào Bộ luật tố tụng dân sự về việc Thẩm phán sẽ nỗ lực giới thiệu và thuyết phục các bên sử dụng phương thức hoà giải độc lập ngoài Toà án để giải quyết tranh chấp.

Đối với hòa giải thương mại, bản thân hòa giải viên và tổ chức hòa giải thương mại cần tự mình thu thập các thông tin về vụ việc. Tuy nhiên hòa giải

viên hay tổ chức hòa giải thương mại chỉ có thể có thể yêu cầu các bên nộp các chứng cứ cần thiết, giải trình về vụ việc mà không được ép buộc các bên, đồng thời phải cam kết giữ bí mật các thông tin này. Do đó, để việc giải quyết đạt hiệu quả tốt, đòi hỏi các bên đương sự cần có sự thiện chí và cởi mở đối với hoà giải viên, tổ chức hòa giải thương mại. Trong một số trường hợp, việc không thu thập đủ chứng cứ liên quan đã ảnh hưởng đến chất lượng hòa giải và kết quả cuối cùng. Do đó, cần có quy định về việc Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ khi hòa giải viên, tổ chức hòa giải thương mại có yêu cầu, tùy vào mức độ phức tạp của vụ việc và nguyện vọng của các bên nhằm nâng cao hiệu quả hòa giải.

3.3.4. Hiện đại hoá hoạt động giải quyết tranh chấp của tổ chức hoà giải thương mại bằng mô hình Trọng tài – Hoà giải và Hoà giải trực tuyến

Cơ chế liên thông Trọng tài – Hoà giải (Med-Arb) là một sự kết hợp linh hoạt, nhằm mục đích cung cấp cách tiếp cận hòa giải hợp tác hơn, cùng với cấu trúc và sự chắc chắn của một thủ tục trọng tài. Đây là xu thế nổi lên trên bình diện quốc tế trong giai đoạn hiện nay. Đây là một thiết chế mới mẻ, Nhà nước cần có sự chuyển hoá thành quy định pháp luật và tăng cường hoạt động phổ biến, tuyên truyền pháp luật nhằm khuyến khích hoạt động hoà giải liên kết với trọng tài.

Về phương thức hoà giải trực tuyến tại các tổ chức hoà giải thương mại. Trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử và tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 để duy trì thực hiện các giao dịch đã xác lập thì hầu hết phải được thực hiện trực tuyến. Do đó, việc giải quyết trực tuyến tranh chấp thương mại trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Chính vì vậy, tác giả luận văn cho rằng về lâu dài, cần có quy tắc và hướng dẫn riêng dành cho hòa giải trực tuyến, và pháp luật cũng cần hoàn thiện theo hướng ủng hộ và tạo điều kiện cho việc giải quyết tranh chấp bằng phương pháp này. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, của người tiêu dùng...về giải quyết tranh chấp bằng hòa giải trực tuyến cần phải được chú trọng.

3.3.5 Nghiên cứu gia nhập Công ước Singapore về hoà giải thương mại

Để tham gia vào sân chơi đa quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng, Việt Nam cần đẩy mạnh các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế theo ý chí và nguyện vọng của các bên, nhất là trọng tài và hoà giải. Trong tương lai, nếu Việt Nam gia nhập Công ước Singapore hứa hẹn sẽ thúc đẩy thị trường phát triển nhanh, mạnh và kêu gọi, thu hút doanh nghiệp sử dụng phương thức hòa giải, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của tổ chức hòa giải thương mại. Từ đó, từng bước đưa pháp luật Việt Nam tiệm cận với pháp luật quốc tế, phần tăng cường giao lưu thương mại quốc tế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Vì vậy, trong thời gian tới, các cơ quan hữu quan cần tiếp tục nghiên cứu, đánh giá tác động của việc gia nhập Công ước đối với Việt Nam, theo dõi mức độ quan tâm của các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, để từ đó đề xuất Việt Nam tham gia Công ước trên cơ sở hài hòa hóa pháp luật nội tại.

Tiểu kết Chương 3

Giải quyết tranh chấp thương mại bằng hoà giải tại tổ chức hòa giải thương mại là lựa chọn hữu hiệu, mang lại nhiều lợi ích nhất cho các bên, góp phần thúc đẩy đầu tư, giao thương kinh tế, tạo môi trường công bằng, bình đẳng, cùng có lợi. Đồng thời, giúp hệ thống Toà án được giảm tải, tạo sự sôi động cho ngành dịch vụ ở Việt Nam. Tuy nhiên, tổ chức hòa giải thương mại vẫn còn là một khái niệm khá mới mẻ, thực trạng hoạt động trên thực tế chưa phát huy được tiềm lực xứng đáng.

Để các tổ chức hòa giải thương mại phát triển hơn nữa và thực sự được các doanh nghiệp quan tâm sử dụng cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật về hoà giải thương mại tại tổ chức hòa giải thương mại trên cơ sở bám sát các nguyên tắc cơ bản của hoà giải; đảm bảo theo định hướng lập trường chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước và bắt kịp với xu thế chung của thương mại quốc tế. Luận văn đưa ra một số định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hệ thống giải quyết tranh chấp thương mại bằng hoà giải tại tổ chức hòa giải thương mại như: xây dựng quy định pháp luật về mở rộng phạm vi giải quyết tranh chấp; bổ sung quyền, nghĩa vụ của tổ chức hòa giải thương mại; đẩy mạnh tuyên truyền, hợp tác quốc tế. Bên cạnh đó, Nhà nước cần tiếp tục đánh giá để bổ sung, sửa đổi các nội dung pháp luật cụ thể nhằm hoàn thiện quy định pháp lý về tổ chức hoà giải thương mại, với mục tiêu chung là tạo sự thông thoáng cho hoạt động hoà giải thương mại, quản lý chất lượng của dịch vụ hoà giải thương mại chứ không chú trọng vào việc quản lý hành chính đối với tổ chức hoà giải thương mại.

PHẦN KẾT LUẬN

Tổ chức hoà giải thương mại với chức năng cung cấp dịch vụ hoà giải là chế định pháp lý được công nhận cùng với sự ra đời của Nghị định 22/2017/NĐ-CP. Từ đó, các bên tranh chấp có cơ hội tiếp cận một cơ chế giải quyết mới, hiện đại, với thủ tục linh hoạt, tiết kiệm được thời gian, công sức, tiền bạc; vừa giảm tải gánh nặng cho ngành toà án. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã xây dựng được tư cách và địa vị pháp lý cho các tổ chức hoà giải thương mại, nhằm hướng tới việc chuyên nghiệp hoá loại dịch vụ hoà giải, phương thức giải quyết tranh chấp bằng hoà giải thương mại tại Việt Nam. Tuy nhiên, nội dung pháp luật trong Nghị định 22/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan vẫn còn nhiều điểm bất cập, vướng mắc cần có hướng giải quyết. Phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng hoà giải tại tổ chức hoà giải thương mại chưa thực sự phát triển tương xứng với tiềm năng, nhiều tổ chức hoà giải thương mại mới chỉ tồn tại trên giấy tờ mà thiếu hoạt động trên thực tế. Nhiều Trung tâm hòa giải thương mại được thành lập nhưng số lượng Trung tâm hòa giải thương mại được người dân, doanh nghiệp lựa chọn để giải quyết tranh chấp gần như chưa đáng kể. Tình trạng này gây lãng phí nguồn nhân lực hoà giải viên dồi dào kinh nghiệm, trong khi hệ thống tài phán nhà nước lại quá tải.

Việt Nam là đất nước có nền tảng hoà giải với lịch sử lâu đời, xuất phát từ những quan điểm tín ngưỡng. Do đó, chúng ta có rất nhiều cơ hội để phát triển các hoạt động hoà giải tại tổ chức hoà giải thương mại. Mặt khác, Việt Nam đang trên đà phát triển kinh tế và hội nhập sâu rộng. Với việc là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTTP, EVFTA với những mức cam kết toàn diện, nước ta cùng chung sân chơi với các nước phát triển trên toàn cầu. Vì vậy, Nhà nước đã và đang nỗ lực tạo lập một nền kinh tế năng động và hiện đại, rà soát và bổ sung hệ thống pháp luật để đảm bảo tương thích với sự phát triển và hội nhập ấy. Mà một trong số đó là việc quan tâm phát triển các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại hiện đại như hoà giải thương mại. Hơn nữa, từ năm 2019 đến nay do tác động của đại dịch Covid-19 tình trạng tranh chấp hợp đồng xảy ra khá phổ biến và dưới nhiều hình thức vi phạm khác nhau. Để hợp tác và phát triển các chủ thể tranh chấp, nhất là các chủ thể kinh doanh không chỉ lựa chọn phương thức khởi kiện ra Tòa án mà cần thực hiện phương thức hòa giải có tính chất tương trợ lẫn nhau trong sản xuất và kinh doanh.

Tóm lại, để đón nhận xu thế giải quyết tranh chấp mới trên thế giới và đáp ứng những yêu cầu của thực tiễn, khung pháp luật và chính sách của Việt Nam đối với hoạt động hoà giải thương mại nói chung và tổ chức hoà giải thương mại nói riêng cần phải được hoàn thiện hơn như một số phân tích và gợi ý trong Luận văn.